TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:63/2023/HNGĐ-ST
Ngày 12-6-2023
"V/v Ly hôn giữa chị C và anh Ch"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Minh Hằng và bà Nguyễn Ngọc Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Minh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2023 về việc tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mỹ C, sinh năm 1998

Địa chỉ: Ấp T, xã T1, huyện T2, tỉnh An Giang. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Lê Văn Ch, sinh năm 1997

Địa chỉ: Ấp Đ, xã N A, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án chị Trần Thị Mỹ C trình bày như sau:

Chị Trần Thị Mỹ Cu (gọi tắt chị C) và anh Lê Văn Ch (gọi tắt anh Ch) chung sống với nhau vào năm 2017 hôn nhân tự nguyện được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương và thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã Nam Thái A, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang vào ngày 21/7/2017 theo quy định.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp thường xảy ra cự cãi bất hòa, anh Ch không lo làm ăn vun vén gia đình mà tụ tập theo bạn bè ăn nhậu, cặp bồ với người phụ nữ khác. Chị C đã khuyên can nhiều lần nhưng anh Ch không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng dẫn đến vợ chồng sống ly thân cách nay khoảng ba năm. Đến nay chị C xác định không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân với anh Ch nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Ch.

Về con chung: Chị C xác định vợ chồng có một con chung tên Lê Bảo K, sinh ngày 19/7/2018 từ sau khi vợ chồng ly thân đến nay cháu K sống chung vơi anh Ch. Chị C trình bày do hiện nay đi làm công nhân ở tỉnh Bình Dương không có điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung nên chị C đồng ý giao con chung cho anh Ch tiếp tục nuôi dưỡng và chị C không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị Châu xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa - bị đơn anh Lê Văn Ch vắng mặt và gửi văn bản trình bày ý kiến với nội dung như sau: Đồng ý ly hôn với vợ là Trần Thị Mỹ C và có nguyện vọng được nuôi con Lê Bảo K.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính); giấy khai sinh con chung (Bản sao); giấy chứng minh nhân dân + sổ hộ khẩu (Bản photo); đơn xác nhận tình trạng cư trú của đương sự (Bản chính). Bị đơn cung cấp văn bản trình bày ý kiến.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định, bị đơn anh Lê Văn Ch đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa đề nghị áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị C được ly hôn với anh Ch; về con chung giao con chung cho anh Ch tiếp tục nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con chung không có yêu cầu nên không xem xét;

về tài sản chung và nợ chung vợ chồng không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Tại phiên tòa anh bị đơn – anh Lê Văn Ch đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Quan hệ pháp luật: Chị C yêu cầu ly hôn với anh Ch và yêu cầu giải quyết về con chung khi ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung".

Chị C và anh Chchung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam Thái A, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định của pháp luật, do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị C, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua lời trình bày của chị C và quá trình xác minh từ chính quyền địa phương có cơ sở để xác định trong đời sống hôn nhân giữa chị C và anh Ch đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng thường xảy ra cự cãi, bất đồng ý kiến, anh Ch không lo làm ăn để vun vén cuộc sống gia đình mà còn có quan hệ ngoài hôn nhân với người khác từ đó làm cho đời sống hôn nhân của vợ chồng không có hạnh phúc. Chị C và anh Ch đã tự ly thân với nhau khoảng ba năm, mỗi người đều đã tạo cho mình cuộc sống riêng không còn sự quan tâm tới nhau. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã mở phiên hòa giải để hòa giải đoàn tụ nhưng anh Ch không đến hòa giải đoàn tụ, không thể hiện thiện chí hàn gắn hôn nhân. Từ đó có cơ sở để nhận định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn

nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của chị C, cho chị được ly hôn với anh Ch**.**

Về con chung: Anh chị có một người con chung tên Lê Bảo K, sinh ngày 19/7/2018. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay con chung sống với anh Ch có cuộc sống ổn định phát triển bình thường, chị C có nguyện vọng được giao con chung cho anh Ch nuôi dưỡng sau khi vợ chồng ly hôn vì điều kiện hiện nay đang làm công nhân ở tỉnh Bình Dương không có thời gian để chăm sóc nuôi dưỡng con chung đồng thời anh Ch cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Qua thảo luận Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Lê Bảo K, sinh ngày 19/7/2018 cho anh Ch nuôi dưỡng sau khi anh chị ly hôn để đảm bảo cho cháu K có cuộc sống sinh hoạt ổn định và phù hợp với điều kiện cũng như hoàn cảnh hiện nay của vợ chồng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị C là nguyên đơn chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia và đình năm 2014;

- Áp dụng vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Mỹ C.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Mỹ C và anh Lê Văn Ch.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Bảo K, sinh ngày 19/7/2018 cho anh Lê Văn Ch nuôi dưỡng sau khi chị Trần Thị Mỹ C và anh Lê Văn Ch ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết anh, chị có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Mỹ C có nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003839 ngày 18/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Trần Thị Mỹ C đã nộp đủ án phí.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Nam Thái A;

- Lưu, HS, VP.

Đinh Thị Thơm